TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HSST
Ngày 25 - 01- 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N,TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Duy T**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trần Minh G**
Ông Hoài Đức H

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh D – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại Phòng xét xử trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 120/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2021, đối với:

Bị cáo Lê T, sinh ngày 15 tháng 01 năm 1972, tại B (tên gọi khác Lê Thanh T). Nơi đăng ký hộ khẩu cư trú: 326/118 đường L, phường P, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: Khu phố 1, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: thiên chúa; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê B và bà Nguyễn Thị A, bị cáo có vợ Hoàng Thị Mỹ O (đã chết), 01 con sinh năm 2001;

Tiền sự: Không

Tiền án: Ngày 14/5/2020, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản" theo bản án hình sự sơ thẩm số 94/2020/HS-ST.

Nhân thân: Ngày 29/7/1993, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân".

Ngày 15/11/1997, bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân".

Ngày 07/5/2002, bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân".

Ngày 26/9/2002, bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 18 tháng tù về tội "Trốn khỏi nơi giam".

Ngày 23/7/2014, bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh K xử phạt 02 năm 06

tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Ngày 26/3/2013, bị Công an phường P, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị giam, giữ từ ngày 04 tháng 04 năm 2021 đến nay.

Bị hại: Bà Quản Thị T, sinh năm 1963

Nơi cư trú: Ấp 2, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa, bị hại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 11 giờ ngày 04/4/2021, Lê T điều khiển xe mô tô hiệu Wave biển kiểm soát 60L6 – 4631 đi đến khu vực Trường tiểu học L, huyện N, tỉnh Đồng Nai bán bếp ga. Khi đến nhà bà Quản Thị T thấy nhà mở cửa nên T dừng xe đi bộ vào nhà mục đích mời người trong nhà mua bếp ga. Khi vào nhà T thấy bà T đang ngủ trên ghế phòng khách, trên bàn bên cạnh có một điện thoại di động hiệu Sam sung A10 màu đỏ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. T lén lút lấy điện thoại bỏ vào túi quần của mình thì bà T tỉnh dậy phát hiện tri hô, T bỏ chạy thì bị anh Trần Minh T bắt giữa, giao Công an xã L xử lý vụ việc.

Tại Kết luận định giá tài sản số 53/KLGĐ-HĐĐG ngày 12/4/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Sam sung A10 màu đỏ, giá trị sử dụng còn lại 60% trị giá 1.740.000 đồng.

Tang vật vụ án gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Sam sung A10 màu đỏ đã trả lại cho chủ sở hữu.
- 01 điện thoại di động hiệu Sam sung J6 màu đỏ, 01 điện thoại di động di động hiệu Sam sung màu xám.
- 01 mô tô biển kiểm soát số 60L6-xxxx
- 01 dao cán nhựa màu đen dài 30cm.

Quá trình điều tra bị cáo Lê T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 111/CT-VKS.HS ngày 29/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Lê T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 08 tháng tù.

Về vật chứng đề nghị xử lý vật chứng theo quy định. Về án phí đề nghị buộc các bị cáo chịu theo luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng các tài liệu chứng cứ khác thu thập tại hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Cho thấy: Vào khoảng 11 giờ ngày 04/4/2021, Lê T lén lút chiếm đoạt điện thoại di động hiệu Sam sung A10 màu đỏ của bà Quản Thị T thì bị phát hiện bắt quả tang. Như vậy căn cứ quy định của pháp luật hình sự đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê T phạm vào tội " Trộm cắp tài sản ", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Nên bản Cáo trạng số 111/CT.VKS-NT ngày 29/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo lười lao động, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân của mình. Bị cáo đã nhiều lần trộm cắp tài sản bị phát hiện xử lý hình sự nhưng không sửa đổi bản thân, có thái độ xem thường pháp luật. Vì vậy, cần xét xử nghiêm nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét cho bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả cho bị hại. Vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

* Về vật chứng:

01 điện thoại di động Samsung A10 màu đỏ đã thu hồi trả cho chủ sở hữu và chủ sở hữu không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Trả cho bị cáo điện thoại màu sơn xám là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội

Đối với điện thoại sam sung J6 màu đỏ do chưa làm rõ nguồn gốc cơ quan cảnh sát điều tra tách ra xử lý sau là phù hợp.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát biển kiểm soát số 60L6 – xxxx, chưa làm rõ được với chủ sở hữu nên cơ quan cảnh sát điều tra tách ra xửa lý sau là phù hợp.

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao cán bằng nhựa do không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2013/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, xử lý vật chứng, án phí phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận. Riêng mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo là cao so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 326, Điều 327 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Lê T phạm tội : "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê T 01(một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/4/2021.

Về vật chứng:

+ 01 điện thoại di động Samsung A10 màu đỏ đã thu hồi trả cho chủ sở hữu và chủ sở hữu không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Trả cho bị cáo Lê T 01 điện thoại di động màu sơn xám là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội

+ Tịch thu tiêu hủy 01 con dao cán bằng nhựa do không còn giá trị sử dụng.

Hiện vật chứng, tài sản đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29 tháng 6 năm 2021, của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2013/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Về án phí: Bị cáo Lê T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt, niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XƯ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy T